

# CẦU TRÚC

## THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

### TRONG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM:

#### Phương pháp I.O mở rộng

TS. Bùi Trinh\*

**Tóm tắt:** Từ xa xưa, Việt Nam là một quốc gia gắn liền với nền văn hóa "lúa nước" lâu đời. Trong những thập kỷ gần đây, bên cạnh thành tựu tăng trưởng kinh tế tương đối cao, thực hiện công tác giảm nghèo, dường như đang dần xuất hiện xu hướng "công nghiệp hóa, hiện đại hóa" ở khắp các địa phương trong cả nước. Người dân Việt Nam thay vì sử dụng sở trường để trồng trọt, chăn nuôi trong nền nông nghiệp nhiệt đới thì lại sẵn sàng đánh đổi lấy sự hào nhoáng bề ngoài mà trở thành công nhân tại các khu vực thành thị. Khi sở trường không được phát huy trong khi buộc phải sử dụng sở đoản thì rủi ro thất bại khá cao.

Nghiên cứu này nhằm mục đích xem xét sự thay đổi mức độ tương tác giữa khu vực nông thôn và thành thị dựa trên cấu trúc bảng I.O đã được cập nhật năm 2016.

**Từ khóa:** Thành thị, Nông thôn, thu nhập, tiêu dùng, tác động phát sinh

#### 1. Giới thiệu

Dữ liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam cho thấy, tốc độ tăng dân số đô thị đã tăng liên tục trong giai đoạn 2010 - 2012 trong khi đó tốc độ tăng dân số của khu vực nông thôn là âm hoặc tăng không đáng kể trong nhiều năm. Cơ cấu dân số của khu vực đô thị tăng từ 30,4% năm 2010 lên 37,6% năm 2012. Tốc độ và cấu trúc dân số đô thị và nông thôn thay đổi tương đối nhanh về cơ bản do quá trình xây dựng và đô thị hóa (tỷ lệ sinh đô thị không cao như tại nông thôn), người dân ở nông thôn trở thành người thành thị về mặt hình thức mặc dù suy nghĩ và trái tim vẫn là người nông dân thuần hậu, ngây thơ và đầy tình người. Đôi khi người ta trở thành cái gì đó không thực sự là bản chất của mình có thể dẫn đến nhiều khó khăn hơn trong cuộc sống tinh thần và vật chất, hoặc có thể trở nên "hung dữ" hoặc cảm thấy cô

đơn trên chính quê hương mình, mang trong mình những hoài niệm và nhớ chính mình; chỉ một số ít người đây cố gắng thích nghi với cuộc sống "thành thị". Đây có phải là một trong những nguyên nhân ở vùng ngoại ô và vùng mới đã chuyển đổi từ nông thôn sang thành thị với nhiều tệ nạn xã hội? (bảng 1 và 2)

Nghiên cứu này sử dụng phân tích đầu vào - đầu ra trong hệ thống Leontief (loại I - Type I) và mô hình nhân khẩu học - kinh tế (loại II- I.O type II). Kể từ khi Hệ thống đầu vào-đầu ra (IOS) của Leontief ra đời (1936, 1941), nó đã được các nhà nghiên cứu khác nhau phát triển và mở rộng theo nhiều cách. Ngoài bảng đầu vào-đầu ra liên vùng ban đầu như Isard (1951), mô hình đầu vào-đầu ra đa vùng (MRIO) của Chenery và Moses (1954, 1955), Miller (1957) và Hirsch (1959); Hệ thống hạch toán xã hội (SAM) của Stone (1961), Pyatt và Rose (1977), mô hình kinh tế - nhân khẩu học của

\* Cựu cán bộ thống kê

## ➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

Miyazawa (1976) và Madden và Batey (1983) được phát triển song song với ma trận hạch toán xã hội. Mô hình nhân khẩu học - kinh tế đã được Miyazawa phát triển để phân tích cấu trúc phân phối thu nhập bằng các biến nội sinh theo tiêu chuẩn của hệ thống Leontief. Điều đó có nghĩa là hệ thống Leontief được mở rộng bởi các nhóm tiêu dùng cuối cùng của hộ ở cột và nhóm thu nhập tương ứng ở hàng.

**Bảng 1.** Tăng trưởng dân số thành thị, nông thôn (Đơn vị: %)

	Thành thị	Nông thôn
2010	3.42	0.28
2011	4.6	-0.23
2012	2.15	0.76
2013	2.09	0.65
2014	4.88	-0.64
2015	2.01	0.68
2016	1.67	0.83
2017	1.69	0.81
2018	2.22	0.63
2019	3.61	-0.13
2020	6.06	-1.52
2021	1.94	0.37
Sơ bộ 2022	2.15	0.3

Nguồn: *gso.gov.vn*

**Bảng 2.** Cơ cấu thành thị - nông thôn (Đơn vị: %)

2010	30.39	69.61
2011	31.4	68.6
2012	31.7	68.3
2013	32	68
2014	33.19	66.81
2015	33.48	66.52
2016	33.67	66.33
2017	33.86	66.14
2018	34.22	65.78
2019	35.05	64.95
2020	36.76	63.24
2021	37.12	62.88
Sơ bộ 2022	37.55	62.45

Nguồn: *gso.gov.vn*

Phân tích I.O đã được sử dụng trong nhiều nghiên cứu để đánh giá tác động kinh tế của các sự kiện bất ngờ (đối với các trường hợp động đất ở Nhật Bản, xem Kawashima, 1991, và Marutani, 1995). Mặc dù nó cung cấp thông tin hữu ích về hậu quả ở một số khía cạnh cụ thể, tức là ảnh hưởng từ việc giảm nhu cầu cuối cùng do thiệt hại

và/hoặc từ việc tăng nhu cầu tái thiết, nhưng nhiều nghiên cứu trong số này đã không tính đến các tác động liên vùng và mối quan hệ giữa sản lượng sản xuất và quá trình hình thành thu nhập trong phân tích của họ. Như Miyao (1995) đã đề xuất, giá trị của cải giảm, mức tiêu dùng giảm do suy thoái hoặc sự gia tăng tình trạng sa thải và thất nghiệp do hậu quả của các sự kiện có thể có tác động đáng kể đến toàn bộ nền kinh tế.

Nghiên cứu này đã sử dụng bảng đầu vào - đầu ra Việt Nam năm 2016 được gộp vào 36 ngành (phụ lục 1). Bảng này được cập nhật từ bảng đầu vào - đầu ra quốc gia Việt Nam 2012 và kết quả điều tra khảo sát về doanh nghiệp và mức sống hộ gia đình của Tổng cục Thống kê Việt Nam 2012-2016. Sau đó, phương pháp ras và phương pháp ras với các điểm cố định ngẫu nhiên được sử dụng để cân bằng giữa tổng đầu vào và tổng đầu ra của bảng đầu vào - đầu ra.

## 2. Phương pháp

Phương pháp cơ bản của bài nghiên cứu dựa vào nguyên tắc của Hệ thống các tài khoản Quốc gia và mở rộng quan hệ cơ bản của W. Leontief [1-5].

$$X = (I - A^d)^{-1} \cdot Y^d \quad (1)$$

Ở quan hệ này có thể biết được chỉ số lan tỏa, độ nhạy của các ngành trong nền kinh tế và mức độ lan tỏa từ cầu cuối cùng đến giá trị sản xuất và thu nhập

Trong quan hệ (1) X là ma trận giá trị sản xuất được lan tỏa bởi các nhân tố của cầu cuối cùng; I là ma trận đơn vị,  $A^d$  là ma trận hệ số chi phí trực tiếp trong nước,  $Y^d$  là ma trận cầu cuối cùng trong nước bao gồm tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình, chi tiêu dùng cuối cùng của Chính phủ, tích lũy gộp tài sản và xuất khẩu,  $(I - A^d)^{-1}$  là ma trận nghịch đảo Leontief.

Nhân 2 vế của quan hệ (1) với ma trận hệ số thu nhập v ta có:

$$V = v \cdot X = v \cdot (I - A^d)^{-1} \cdot Y^d \quad (2)$$

Ở đây: V ma trận thu nhập với dòng là loại thu nhập và cột là ngành trong bảng cân đối liên ngành và  $v_{kj} = V_{kj}/X_j$

Và:

$X \div Y^d$  thể hiện mức độ lan tỏa từ các nhân tố của cầu cuối cùng trong nước đến giá trị sản xuất

$V \div Y^d$  thể hiện mức độ lan tỏa từ các nhân tố của cầu cuối cùng trong nước đến thu nhập

(Với  $\div$  là chia vô hướng)

Mở rộng mô hình I.O với số dòng thể hiện thu nhập và cột thể hiện tiêu dùng cuối cùng, mô hình này còn được gọi là mô hình Miyazawa. Các quan hệ cơ bản của Miyazawa như sau:

$$A.X + c_1.T_1 + c_2.T_2 + F = X \quad (3)$$

$$V_1.X + V'_1 = T_1 \quad (4)$$

$$V_2.X + V'_2 = T_2 \quad (5)$$

Với:

$V_1$  là hệ số thu nhập từ sản xuất của khu vực thành thị

$V_2$  là hệ số thu nhập từ sản xuất của khu vực nông thôn

$V'_1$  là thu nhập từ ngoài sản xuất của khu vực thành thị

$V'_2$  thu nhập từ ngoài sản xuất của khu vực nông thôn

$T_1$  và  $T_2$  là tổng thu nhập của khu vực thành thị và nông thôn

$C_1$  và  $C_2$  là véc tơ hệ số của tiêu dùng cuối cùng khu vực thành thị và nông thôn

$F$  là cầu cuối cùng không bao gồm tiêu dùng

Quan hệ (3), (4) và (5) được viết lại dưới dạng ma trận dạng Leontief:

$$\begin{pmatrix} A & c_1 & c_2 \\ V_1 \\ V_2 \end{pmatrix} * \begin{pmatrix} X \\ T_1 \\ T_2 \end{pmatrix} + \begin{pmatrix} F \\ V'_1 \\ V'_2 \end{pmatrix} = \begin{pmatrix} X \\ T_1 \\ T_2 \end{pmatrix} \quad (6)$$

Đặt:

$$B = \begin{pmatrix} A & c_1 & c_2 \\ V_1 \\ V_2 \end{pmatrix}$$

Từ (6), ta có:

$$\begin{pmatrix} X \\ T_1 \\ T_2 \end{pmatrix} = (I - B)^{-1} * \begin{pmatrix} F \\ V'_1 \\ V'_2 \end{pmatrix} \quad (7)$$

Đặt:  $L = (I - B)^{-1}$

$$L = (I - B)^{-1} = \begin{pmatrix} L^A & L^{C_1} & L^{C_2} \\ L^{V_1} & & \\ L^{V_2} & & K \end{pmatrix} \quad (8)$$

Theo Sonis and Hewings (1993) có:  $L^A$  là ma trận Leontief mở rộng và

$$L^A = (I - A - c.v)^{-1} \quad (9)$$

$L^{V_1}$ ,  $L^{V_2}$  nhân tử thu nhập được lan tỏa bởi sản xuất cho tiêu dùng cuối cùng của khu vực thành thị ( $C_1$ ) và tiêu dùng cuối cùng của khu vực nông thôn ( $C_2$ ). Gọi  $L^V$  là ma trận mà  $L^{V_1}$ ,  $L^{V_2}$  là các ma trận con:  $L^V = (L^{V_1}, L^{V_2})$ .

Gọi ma trận hệ số thu nhập  $v = (v_1, v_2)$ . Lúc đó Theo Sonis, Hewings (1993) ta có:

$$L^V = v. L^A \quad (10)$$

Quan hệ (10) hàm ý rằng thu nhập được lan tỏa bởi sản xuất cho tiêu dùng cuối cùng không kể tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình

Tương tự ta có:  $L^C = (L^{C_1}, L^{C_2})$  và  $c$  là ma trận của  $c_1$  và  $c_2$ :  $c = (c_1, c_2)$  cũng theo Sonis và Hewings ta có:

$$L^C = L^A. c \quad (11)$$

Quan hệ này hàm ý rằng tổng ảnh hưởng của tiêu dùng cuối cùng đến sản xuất. Từ quan hệ (5) ta có:

$$\begin{pmatrix} L^A & L^{C_1} & L^{C_2} \\ L^{V_1} & & \\ L^{V_2} & & K \end{pmatrix} * \begin{pmatrix} F \\ V'_1 \\ V'_2 \end{pmatrix} = \begin{pmatrix} X \\ T_1 \\ T_2 \end{pmatrix} \quad (12)$$

## ➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

K được gọi là ma trận nhân tử Miyazawa (hoặc còn gọi là ma trận nhân tử Keynes). K có thể được hiểu thu nhập ngoài sản xuất lan tỏa đến thu nhập thông qua tiêu dùng cuối cùng

$$K = I + v \cdot L^A \cdot c = (I - v(I-A)^{-1} \cdot c)^{-1} \quad (13)$$

Công thức (7) dựa trên quan hệ chuẩn về liên ngành (hoặc liên vùng của Michael Sonis và Geoffrey J.D. Hewings<sup>1</sup> có thể được viết lại dưới dạng:

$$L = \begin{bmatrix} L^A & L^A \cdot c \\ v \cdot L^A & I + v \cdot L^A \cdot c \end{bmatrix} \quad (14)$$

Gọi  $V' = (V'_1, V'_2)$  và  $T = (T_1, T_2)$ .

Từ quan hệ (12) và (14) ta có:

$$\begin{bmatrix} L^A & L^A \cdot c \\ v \cdot L^A & I + v \cdot L^A \cdot c \end{bmatrix} * \begin{bmatrix} F \\ V' \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} X \\ T \end{bmatrix} \quad (15)$$

Nên:

$$L^A \cdot F + L^A \cdot c \cdot V' = X \quad (16)$$

$$v \cdot L^A \cdot F + V' + v \cdot L^A \cdot c \cdot V' = V \quad (17)$$

Hoặc

$$v \cdot L^A \cdot F + (I - v \cdot (I-A)^{-1} \cdot c)^{-1} \cdot V' = V \quad (18)$$

Quan hệ (16) hàm ý trong mô hình I.O mở rộng giá trị sản xuất được tạo nên bởi (1) cầu cuối cùng không kể tiêu dùng cuối cùng (F) và cả tiêu dùng cuối cùng ( $L^A \cdot F$ ) vì trong  $L^A$  bao gồm sự lan tỏa đến GTSX bởi tiêu dùng cuối cùng và (2) giá trị sản xuất được lan tỏa bởi tiêu dùng cuối cùng gây nên bởi thu nhập ngoài sản xuất (hệ số của tiêu dùng cuối cùng là hệ số giữa tiêu dùng cuối cùng và tổng thu nhập ( $L^A \cdot c \cdot V'$ ))

Quan hệ (17) hàm ý tổng thu nhập được phân rã thu nhập từ cầu cuối cùng (đầu tư và xuất khẩu - F), từ chính thu nhập ngoài sản xuất và từ tiêu

dùng cuối cùng gây nên bởi cả thu nhập từ sản xuất và thu nhập ngoài sản xuất lan tỏa đến sản xuất từ đó lan tỏa đến thu nhập ( $V \cdot L^A \cdot c \cdot V'$ ).

Như vậy  $L^A \cdot c$  là sự lan tỏa đến GTSX bởi 1 đơn vị thu nhập ngoài sản xuất (đầu tiên lan tỏa đến tiêu dùng cuối cùng, từ đó lan tỏa đến GTSX)

$v \cdot L^A$  là sự lan tỏa đến thu nhập bởi 1 đơn vị cầu cuối cùng (F-không kể tiêu dùng cuối cùng)

$(I - v \cdot (I-A)^{-1} \cdot c)^{-1}$  là sự lan tỏa bởi 1 đơn vị thu nhập ngoài sản xuất (thành thị hoặc nông thôn) tới thu nhập (thành thị hoặc nông thôn thông qua sự thay đổi về tiêu dùng cuối cùng của từng khu vực, sau đó lan tỏa đến sản xuất rồi lan tỏa tiếp đến thu nhập)

### 3. Một số kết quả nghiên cứu nhận được

Bảng 1 và hình 1 cho thấy một số điểm đáng chú ý:

+ Tiêu dùng cuối cùng dân cư của khu vực nông thôn lan tỏa đến thu nhập của khu vực thành thị nhiều hơn tiêu dùng cuối cùng dân cư của thành thị lan tỏa đến thu nhập của khu vực nông thôn (0,093 so với 0,079).

+ Một điều đáng chú ý là chi tiêu dùng của Chính phủ (chi thường xuyên) cơ bản lan tỏa đến thu nhập của khu vực thành thị, nhân tố này lan tỏa đến thu nhập của thành thị gấp 3,09 lần so với lan tỏa đến thu nhập khu vực nông thôn.

+ Một đơn vị xuất khẩu hàng hóa hầu như lan tỏa đến thu nhập rất ít ỏi, cho cả thành thị và nông thôn.

+ Xuất khẩu dịch vụ cơ bản lan tỏa đến thu nhập của khu vực thành thị được ghi nhận là lớn hơn khu vực nông thôn.

+ Xuất khẩu hàng hóa lan tỏa kém đến khu vực thành thị, vì sản phẩm nông lâm thủy sản vẫn chưa bị gia công hóa toàn diện như sản phẩm của công nghiệp chế biến. Điều này cũng có nghĩa là tỷ lệ chế biến sâu của nông sản xuất khẩu còn khá kém.

---

<sup>1</sup>  $(I - A)^{-1} = \begin{bmatrix} \Delta_1 & \Delta_1 \cdot A_{12} \cdot (I - A_{22})^{-1} \\ \Delta_2 \cdot A_{21} \cdot (I - A_{11})^{-1} & \Delta_2 \end{bmatrix}$

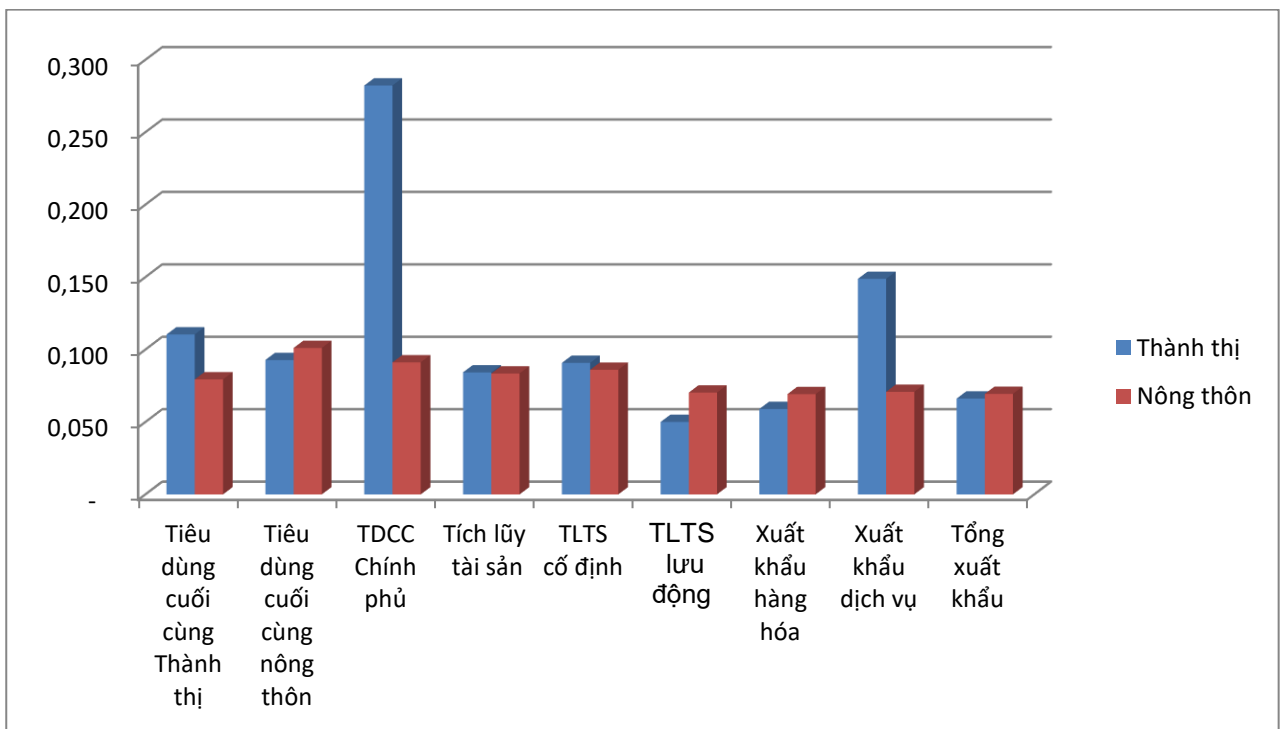
Điều này để giải thích tương minh về liên kết ngược và liên kết xuôi (BL và FL) trong phân tích I.O

**Bảng 3.** Lan tỏa các nhân tố của cầu cuối cùng đến thành thị và nông thôn

	Tiêu dùng cuối cùng thành thị	Tiêu dùng cuối cùng nông thôn	TDCC Chính phủ	Tích lũy tài sản	TLTS cố định	TLTS lưu động	Xuất khẩu hàng hóa	Xuất khẩu dịch vụ	Tổng xuất khẩu
Thành thị	0.110	0.093	0.282	0.084	0.091	0.050	0.059	0.149	0.066
Nông thôn	0.079	0.101	0.091	0.083	0.086	0.070	0.069	0.071	0.069

*Nguồn tính toán của tác giả*

**Hình 1.** Lan tỏa các nhân tố của cầu cuối cùng đến thành thị và nông thôn



*Nguồn tính toán của tác giả*

+ Bảng 4 chỉ ra thu nhập được tạo nên bởi sự lan tỏa của các nhân tố của cầu cuối cùng của thành thị và nông thôn. Tuy một đơn vị xuất khẩu hàng hóa lan tỏa thấp đến thu nhập của cả thành thị và nông thôn nhưng do giá trị xuất khẩu lớn (xuất khẩu hàng hóa gấp khoảng 1,5 lần tiêu dùng cuối cùng của dân cư) nên xuất khẩu hàng hóa lan tỏa nhiều nhất đến cả thu nhập của cả thành thị và nông thôn, đặc biệt thu nhập của khu vực nông thôn được lan tỏa nhiều hơn bởi xuất khẩu hàng hóa. Điều này hàm ý rằng nếu các nhân tố khác của cầu tăng lên thì

thu nhập của người lao động cả thành thị và nông thôn đều được cải thiện đáng kể.

+ Một điều thú vị là tiêu dùng cuối cùng của khu vực thành thị lan tỏa mạnh đến thu nhập nông thôn (24% trong tổng thu nhập từ sản xuất), phản ánh tương tác hai khu vực. Điều này cũng trùng với điều tra cho thấy, thu nhập thuần nông ngày càng thấp hơn trong tổng thu nhập ở nông thôn.

+ Thu nhập của khu vực nông thôn được lan tỏa bởi tiêu dùng cuối cùng của khu vực thành thị còn cao hơn sự lan tỏa về tiêu dùng của chính nó (24% so với 12,1%).

**Bảng 4.** Thu nhập từ sản xuất của khu vực thành thị, nông thôn theo các nhân tố của cầu cuối cùng (%)

	<i>Tiêu dùng cuối cùng thành thị</i>	<i>Tiêu dùng cuối cùng nông thôn</i>	<i>TDCC Chính phủ</i>	Đầu tư	<i>Xuất khẩu hàng hóa</i>	<i>Xuất khẩu dịch vụ</i>	<i>Tổng thu nhập</i>
Thành thị	28.49	9.65	11.13	13.75	30.35	6.63	100.00
Nông thôn	23.55	12.09	4.13	15.66	40.95	3.63	100.00

*Nguồn tính toán của tác giả*

Bảng 5 cho thấy:

+ Về tổng quát bình quân một đơn vị cầu cuối cùng của khu vực nông thôn lan tỏa đến thu nhập chung cao hơn một đơn vị cầu cuối cùng của khu vực thành thị (0,236 so với 0,152 trong bảng 3).

+ Đáng chú ý là cầu cuối cùng về các ngành dịch vụ lan tỏa mạnh đối với khu vực thành thị,

phản ánh tác động của quá trình công nghiệp hóa và mở mang kinh tế thị trường.

+ Hầu hết cầu cuối cùng của nông, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp chế biến chế tạo sản phẩm nông nghiệp lan tỏa đến thu nhập của khu vực nông thôn cao hơn mức bình quân chung.

**Bảng 5.** Thu nhập lan tỏa bởi 1 đơn vị tăng lên của cầu cuối cùng

Ngành	Thành thị	Nông thôn	Bình quân thành thị	Bình quân nông thôn
1	0.068	0.373	0.445	2.449
2	0.070	0.373	0.457	2.447
3	0.086	0.256	0.565	1.680
4	0.099	0.419	0.648	2.748
5	0.020	0.166	0.133	1.089
6	0.035	0.693	0.231	4.552
7	0.013	0.294	0.087	1.929
8	0.028	0.424	0.185	2.786
9	0.043	0.546	0.283	3.587
10	0.066	0.247	0.431	1.622
11	0.077	0.361	0.505	2.368
12	0.157	0.139	1.032	0.912
13	0.147	0.249	0.965	1.633
14	0.126	0.292	0.830	1.920
15	0.096	0.288	0.633	1.891
16	0.113	0.102	0.745	0.668
17	0.090	0.299	0.589	1.964
18	0.111	0.283	0.730	1.861
19	0.101	0.247	0.663	1.624
20	0.142	0.120	0.932	0.790
21	0.118	0.099	0.777	0.653
22	0.130	0.126	0.850	0.825
23	0.119	0.108	0.778	0.706
24	0.204	0.184	1.340	1.206
25	0.180	0.167	1.183	1.096

Ngành	Thành thị	Nông thôn	Bình quân thành thị	Bình quân nông thôn
26	0.265	0.211	1.739	1.388
27	0.175	0.151	1.149	0.992
28	0.233	0.165	1.527	1.083
29	0.223	0.082	1.465	0.540
30	0.287	0.066	1.882	0.430
31	0.297	0.253	1.947	1.664
32	0.444	0.084	2.913	0.550
33	0.339	0.214	2.225	1.402
34	0.209	0.194	1.372	1.271
35	0.175	0.091	1.152	0.600
36	0.398	0.130	2.612	0.856
<b>Tổng số</b>	<b>5.484</b>	<b>8.497</b>		
<b>Bình quân</b>	<b>0.152</b>	<b>0.236</b>		

*Nguồn tính toán của tác giả*

Bảng 6 cho thấy cầu cuối cùng của khu vực nông thôn gây ra tác động đến thu nhập của khu vực nông thôn mạnh hơn cầu cuối cùng của khu vực thành thị gây ra tác động đến thu nhập của đô thị, đặc biệt, nhu cầu cuối cùng là các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và sản xuất nông sản. Sản xuất và dịch vụ còn lại gây ra tác động đến thu nhập của khu vực thành thị cao hơn so với khu vực nông thôn.

**Bảng 6.** Nhân tử thu nhập trong mô hình Miyazawa (lần)

Ngành	Thành thị	Nông thôn
1	0.097	0.406
2	0.099	0.406
3	0.112	0.284
4	0.135	0.459
5	0.032	0.179
6	0.076	0.742
7	0.030	0.314
8	0.054	0.455
9	0.077	0.587
10	0.088	0.272
11	0.107	0.394
12	0.188	0.169
13	0.181	0.285
14	0.160	0.328
15	0.125	0.320
16	0.135	0.124
17	0.118	0.330

Ngành	Thành thị	Nông thôn
18	0.142	0.317
19	0.129	0.277
20	0.169	0.147
21	0.141	0.122
22	0.155	0.152
23	0.141	0.131
24	0.244	0.224
25	0.215	0.202
26	0.315	0.261
27	0.209	0.185
28	0.275	0.207
29	0.260	0.118
30	0.332	0.109
31	0.353	0.310
32	0.513	0.150
33	0.400	0.274
34	0.250	0.235
35	0.206	0.121
36	0.463	0.193
<b>Average</b>	<b>0.19</b>	<b>0.27</b>

*Nguồn: Tính toán của tác giả*

Trong mô hình I.O thông thường sự tăng lên của một đơn vị sản phẩm cuối cùng (sử dụng cuối cùng) sẽ lan tỏa đến sản xuất, từ đó lan tỏa đến giá trị tăng thêm và thu nhập từ sản xuất. Trong mô hình nhân khẩu kinh tế nhân tử Miyazawa (ma trận K) cho thấy thu nhập ngoài sản xuất cũng lan tỏa đến thu nhập từ sản xuất, vì rằng khi thu nhập

## ➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

ngoài sản xuất thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi về tiêu dùng cuối cùng, từ đó dẫn đến sự thay đổi về sản xuất và thu nhập từ sản xuất.

Về tổng quát bảng 7 cho thấy sự thay đổi của 1 đơn vị thu thập ngoài sản xuất của cả hai khu vực thành thị và nông thôn lan tỏa đến tổng thu nhập của khu vực nông thôn lớn hơn khu vực thành thị (1,201 so với 1,198), mặc dù sự lan tỏa bởi một đơn vị tăng lên của thu nhập ngoài sản xuất của khu vực thành thị đến tiêu dùng cuối cùng cao hơn sự lan tỏa này của nông thôn (1,285 so với 1,115). Điều này do thu nhập ngoài sản xuất của khu vực đô thị kích thích tiêu dùng để tạo ra thu nhập của khu vực nông thôn cao hơn thu nhập ngoài sản xuất của khu vực nông thôn tạo ra thu nhập của khu vực thành thị (0,138 so với 0,051)

**Bảng 7.** Nhân tử Miyazawa

		Tiêu dùng		Thu nhập
		Đô thị	Nông thôn	
Thu nhập	Đô thị	1.147	0.051	<b>1.198</b>
	Nông thôn	0.138	1.063	<b>1.201</b>
	Tổng	<b>1.285</b>	<b>1.115</b>	

*Nguồn: Tính toán của tác giả*

### 4. Kết luận

Nghiên cứu cố gắng cung cấp một mối quan hệ giữa phân phối lần đầu và phân phối lại thu nhập của khu vực thành thị và nông thôn. Nó cũng không chỉ cho thấy mối quan hệ giữa các ngành với khu vực nông thôn và thành thị mà còn cho thấy mối quan hệ qua lại giữa mức tiêu dùng cuối cùng của từng khu vực tạo ra tác động lan tỏa đến thu nhập của chính nó và thu nhập của khu vực khác.

Dựa trên Bảng I.O loại I và II trong của bảng I.O 2016, có thể cho thấy: Mức tiêu dùng cuối cùng của khu vực nông thôn gây ra thu nhập của khu vực thành thị nhiều hơn mức tiêu dùng cuối cùng của khu vực thành thị lan tỏa đến thu nhập của khu vực nông thôn. Đáng chú ý là chi tiêu chính phủ (chi thường xuyên) về cơ bản lan tỏa đến thu nhập của khu vực thành thị, yếu tố này lan sang thu nhập đô thị cao gấp 3,09 lần so với

lan tỏa đến thu nhập của khu vực nông thôn. Một đơn vị xuất khẩu hàng hóa gây ra tác động đến thu nhập kém đến khu vực đô thị hơn khu vực nông thôn, điều này do các sản phẩm nông lâm nghiệp và thủy sản hoàn chỉnh hơn các sản phẩm của nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo do mang nặng tính gia công. Cầu cuối cùng về dịch vụ gây ra tác động mạnh mẽ đến các khu vực đô thị. Hầu hết cầu cuối cùng của nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp và sản xuất nông sản lan tỏa đến thu nhập nông thôn cao hơn mức trung bình. Nói chung, cầu cuối cùng gây ra tác động đến thu nhập nông thôn cao hơn so với khu vực thành thị. Hầu hết cầu cuối cùng của nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp và sản xuất nông sản lan đến thu nhập nông thôn cao hơn mức trung bình. Cầu chung của khu vực nông thôn gây ra tác động đến thu nhập của khu vực nông thôn mạnh hơn nhu cầu cuối cùng của khu vực thành thị gây ra tác động đến thu nhập của đô thị, đặc biệt, nhu cầu cuối cùng là các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và sản xuất sản phẩm nông sản. Sản xuất và dịch vụ còn lại gây ra tác động đến thu nhập của khu vực thành thị cao hơn so với khu vực nông thôn. Tiêu dùng cuối cùng chung của khu vực nông thôn không chỉ gây ra tác động đến thu nhập của chính họ mà còn tạo ra tác động lan tỏa đến thu nhập của khu vực khác. Như vậy có thể thấy việc đô thị hóa cần gắn với cấu trúc ngành.

Hy vọng, nghiên cứu này có thể giúp các nhà hoạch định chính sách cân nhắc các lựa chọn khi đưa ra các chính sách chung theo hiện đại hóa trong điều kiện mới.

### Tài liệu tham khảo

1. Batey P. W. J., & Madden M. 1983, The Modeling of Demographic-economic Change Within the Context of Regional Decline: Analytical Procedures and Empirical Results. Socio-Economic Plan, 17(5), 315-328. [http://dx.doi.org/10.1016/0038-0121\(83\)90038-1](http://dx.doi.org/10.1016/0038-0121(83)90038-1).

2. Bah, M., Cisse, S., Diyamett, B., Diallo, G., Lerise, F., Okali, D., Okpara, E., Olawoye, J., and Tacoli, C., 2003: Changing ruralurban linkages in Mali, Nigeria and Tanzania, Environmental and Urbanization, Vol. 15, No. 1, April.



3. Bui Trinh, Kiyoshi Kobayashi & Pham Le Hoa (2012) "The Expansion Input – Output Tables"; Global Journal of HUMAN SOCIAL SCIENCE Sociology, Economics & Political Science, Volume 12 Issue 14 Version 1.0 .
4. Bui Trinh, Kiyoshi Kobayashi, Pham Le Hoa, Nguyen Viet Phong (2012) "Vietnamese economic structural change and policy implications" Global Journal of Human-Social Science Research, Volume 12, issue 9c.
5. Bui Trinh, Kiyoshi Kobayashi, Trung-Dien Vu, Pham Le Hoa, Nguyen Viet Phong "New Economic Structure for Vietnam Toward Sustainable Economic Growth in 2020" Global Journal of HUMAN SOCIAL SCIENCE Sociology Economics & Political Science, Volume 12, issue 10.
6. CHENERY, H. B., WATANABE (1958), T. *International comparisons of the structure of production*. *Econometrica*. 26, n., p. 487-521, 958.
7. Dabson, B., Jensen, J. M., Okagaki, A., Blair, A. P., and Carrol, M. M. 2012. Case Studies of Wealth Creation and Rural-Urban Connections, MO: Rural Futures Lab, [www.ruralfutureslab.org](http://www.ruralfutureslab.org)
8. Feldman, S., 1999. Rural-Urban Linkages in Asia: Contemporary Themes and Policy Directions, paper prepared for a Workshop on 55 Poverty Reduction and Social Progress: New Trends and Emerging Lessons, A Regional Dialogue and Consultation on WDR2001 for South Asia, Rajendrapur, Bangladesh, 4-6 April.
9. Kawashima, Kazuhiko., Hideki Sugita, and Takashi Kanoh. 1991. "Estimation of earthquake induced economic damage." *Report of Public Works Research Institute*. 186, 1-57. (in Japanese).
10. Geoffrey J.D. (1999). Hewings, Michael Sonis, Moss Madden and Yoshio Kimura. Introduction - Understanding and Interpreting Economic Structure. Springer – Verla, Heidelberg, Germany.
11. Leontief, W.W. (1936) "Quantitative Input and Output Relations in the Economic Systems of the United States" *The Review of Economics and Statistics*, 18, 105-125.
12. Marutani, Reishi., Takeshi Nakaya, Toshiki Jinushi, and Yasuji Hagiwara. 1995. "Economic damages and issues of reconstruction." In University of Kobe Seismic Disaster Research Group ed. *Tracing the 100 Days After the Great Hanshin Earthquake*. Kobe, Japan; University of Kobe Press: 227-237. (in Japanese)
13. Miller, R., & P. Blair. (1985). *Input-Output Analysis: Foundations and Extensions*, Chapter 7 (pp. 236-260), Environmental Input-Output Analysis, Prentice-Hall.
14. Miyao, Takahiro 1995. "Reconstruction boom after the Great Hanshin Earthquake won't arise." *Economist*, 3.7.95, 26-30. (in Japanese)
15. Miyazawa, K. (1976). *Input-Output Analysis and the Structure of Income Distribution*. Lecture Notes in Economics and Mathematical Systems, Berlin: Springer-Verlag. <http://dx.doi.org/10.1007/978-3-642-48146-8>
16. Sonis M., & Hewings, G. J. D. (1999), Miyazawa's contributions to understanding economic structure: interpretation, evaluation and extensions, *Understanding and interpreting economic structure*. Springer, ISBN 3540660453. 1999, 13-51.
17. Pyatt, G., & Roe, A.N. (1977). *Social Accounting for Development Planning with Special Reference to Sri-Lanka*, Cambridge: Cambridge University Press.
18. Pyatt, G., & J.I. Round (eds). (1985). *SAMs: A Basis for Planning*. World Bank, Washington, D.C.
19. Trinh, B. and Phong, N.V. (2013). "A Short Note on RAS Method," *Advances in Management and Applied Economics*, Vol. 3, No. 4, 133 – 137
20. Trinh, B. and Phong, N.V, Quoc B (2018) "The RAS Method with Random Fixed Points" *The Asian Institute of Research, Journal of Economics and Business*, Vol.1, No.4, 640 - 646
21. Vietnam GSO (2014) "Vietnam input – output table, 2012" Statistics Publisher,
22. Wassily, L. (1941). *Structure of the American economy, 1919-1929*. Harvard University Press: Cambridge Mass.

**Phụ lục 1.** Ngành được khảo sát trong mô hình

<b>Ngành</b>	<b>STT</b>
Sản phẩm cây hàng năm	1
Sản phẩm cây lâu năm	2
Sản phẩm chăn nuôi	3
Dịch vụ nông nghiệp	4
Các sản phẩm nông nghiệp khác chưa được phân loại	5
Trồng và chăm sóc rừng	6
Khai thác gỗ	7
Lâm sản khai thác khác; sản phẩm được thu thập từ rừng	8
Dịch vụ lâm nghiệp	9
Khai thác thủy sản	10
Sản phẩm nuôi trồng thủy sản	11
Sản phẩm khai thác	12
Sản phẩm chế biến bảo quản thịt và sản phẩm thịt	13
Thủy sản và thủy sản chế biến và bảo quản	14
Rau chế biến	15
Sữa và các sản phẩm từ sữa	16
Sản phẩm xay xát và sản xuất bột	17
Thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	18
Sản phẩm chế biến từ gỗ, tre (bao gồm giường, tủ, bàn, ghế); từ rơm, têt và têt	19
Phân bón và hợp chất nitơ	20
Thuốc trừ sâu và các sản phẩm hóa học khác được sử dụng trong nông nghiệp	21
Các sản phẩm chế biến và sản xuất còn lại	22
Điện, ga, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	23
Khai thác nước tự nhiên	24
Nhưng sản phẩm xây dựng	25
Dịch vụ bán buôn và bán lẻ; dịch vụ sửa chữa ô tô, xe máy, xe máy và các loại xe cơ giới khác	26
Dịch vụ vận chuyển kho bãi	27
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	28
Dịch vụ thông tin và truyền thông	29
Dịch vụ tài chính ngân hàng và bảo hiểm	30
Dịch vụ kinh doanh bất động sản	31
Dịch vụ chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	32
Dịch vụ giáo dục và đào tạo	33
Dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội	34
Dịch vụ nghệ thuật, giải trí và giải trí	35
Các dịch vụ khác	36